

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Về tình hình kinh tế xã hội năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

I. Những thuận lợi và khó khăn:

Hoạt động kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh cũng như cả nước bước vào đầu năm 2024 trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, xung đột, rủi ro bất ổn chính trị, kinh tế, xã hội gia tăng trong nhiều khu vực và phạm vi toàn cầu; thiên tai, tác động biến đổi khí hậu xảy ra liên tục, khó lường. Tuy nhiên, các tháng cuối năm tình hình phục hồi rõ rệt, hầu hết các tổ chức quốc tế đều nhận định lạc quan hơn về tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Ở Việt Nam, những cải thiện về chính sách kinh tế vĩ mô của Đảng, Chính phủ được triển khai, đồng bộ với cải cách tài chính và hệ thống bảo trợ xã hội toàn diện hơn, đã giúp nền kinh tế gia tăng khả năng chống chịu, hỗ trợ thực hiện các chính sách cải cách thành công.

Đối với Tây Ninh, năm 2024 là năm Đảng bộ, Chính quyền địa phương triển khai nhiều giải pháp, thúc đẩy sự phát triển đột phá, nhất là lĩnh vực công nghiệp nhằm hoàn thành các mục tiêu KTXH 5 năm 2021-2025. Với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, nhiều giải pháp kịp thời, đúng hướng cùng sự đồng thuận và nỗ lực của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp cùng các tầng lớp nhân dân, kinh tế - xã hội của tỉnh đã đạt kết quả tích cực ở hầu hết lĩnh vực (có 18/21 chỉ tiêu đạt và vượt kế hoạch; chỉ có 03 chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch¹), cụ thể:

II. Những kết quả đạt được:

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu:

Tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024 ước đạt 8,45%, vượt mục tiêu kế hoạch (+7,0%). Về các chỉ tiêu kinh tế chủ yếu, mặt tích cực là nhiều chỉ tiêu đạt mức tăng trưởng tốt, như: chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 13,80%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội (+11,21%); vốn đầu tư phát triển trên địa bàn (+10,27%); thu ngân sách (+12,32%). Giá cả hàng hoá duy trì ổn định, chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm (+2,94%) so cùng kỳ. Tuy vậy, bên cạnh đó cũng có một số chỉ tiêu sụt giảm: Thu hút đầu tư nước ngoài đạt 526,95 triệu USD (-28,05%); doanh nghiệp được thành lập mới thấp hơn năm trước, năm nay chỉ có 818 DN (-1,92%)². Các chỉ tiêu xã

¹ Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn ước đạt 36,28% so với GRDP (KH 37%); Chỉ số sản xuất công nghiệp ước đạt 13,80% (KH 15%); Cơ cấu kinh tế.

² Số liệu Vốn đầu tư nước ngoài tính đến 18/12/2024; Số DN thành lập mới đến 15/12/2024.

hội đều hoàn thành mục tiêu, chính sách xã hội được các ngành chức năng triển khai kịp thời, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện.

2. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2024:

Năm 2024, Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) đạt mức tăng trưởng 8,45%. Giá trị tăng thêm (VA) các khu vực kinh tế đều tăng và đóng góp tích cực cho tăng trưởng chung: khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,55%, đóng góp 1,06 điểm %; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,92 %, đóng góp 4,98 điểm %; khu vực dịch vụ tăng 7,36%, đóng góp 2,23 điểm %; các khoản thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,85% so cùng kỳ, cũng đóng góp 0,18 điểm % vào mức tăng trưởng chung.

Nhịp độ tăng trưởng GRDP các quý trong năm có xu hướng duy trì khá đều đặn, cụ thể: tăng trưởng 6 tháng đầu năm đạt (+8,7%), 6 tháng cuối năm đạt (+8,23%) và cả năm đạt (+8,45%); Trong đó, đặc biệt, giá trị tăng thêm ngành nông nghiệp đóng góp tích cực nhất cho tăng trưởng GRDP những tháng đầu năm (6 tháng đầu năm tăng 6,4%), nhờ thành quả triển khai một số dự án chăn nuôi lớn, đầu tư trên địa bàn tỉnh đã cho sản phẩm từ những tháng cuối năm trước.

So các tỉnh thành trong cả nước năm 2024, Tây Ninh có tốc độ tăng trưởng GRDP xếp thứ 19/63 tỉnh³, thành phố. So với các tỉnh, thành trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Tây Ninh có tốc độ tăng trưởng xếp thứ 2/8 tỉnh thành, sau tỉnh Bình Phước;

Đóng góp của các khu vực kinh tế vào tăng trưởng GRDP:

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản: diện tích gieo trồng được duy trì ổn định, nhờ giá cả một số sản phẩm có lợi cho người sản xuất; chăn nuôi phát triển tốt nhiều dự án chăn nuôi đã cho sản phẩm; giá trị tăng thêm (VA) toàn ngành tăng 4,55% so cùng kỳ, đóng góp 1,06 điểm % vào tốc độ tăng GRDP của tỉnh.

Khu vực công nghiệp và xây dựng: ngành công nghiệp chế biến, chế tạo vẫn là động lực tăng trưởng chính, VA tăng 12,70%, đóng góp 4,20 điểm % vào tốc độ tăng GRDP của tỉnh. Ngành sản xuất và phân phối điện, VA tăng 6,83%, đóng góp 0,13 điểm %. Ngành xây dựng, VA tăng 9,42% đóng góp 0,6 điểm %.

Khu vực dịch vụ có mức tăng trưởng khá (+7,36%), chủ yếu nhờ hoạt động kinh doanh, ngành bán buôn, bán lẻ đạt mức tăng trưởng khá cao (+ 9,20%), đóng góp 0,78 điểm % vào tốc độ tăng GRDP của tỉnh; ngành vận tải kho bãi tuy VA tăng (+15,27%), nhưng do quy mô nhỏ nên chỉ đóng góp 0,31 điểm %; Tăng trưởng VA ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống, ước đạt 7,52%, đóng góp 0,27 điểm % vào tăng trưởng chung của tỉnh.

Về quy mô và cơ cấu nền kinh tế của tỉnh, GRDP giá hiện hành năm nay ước đạt 123.878 tỷ đồng, với cơ cấu: Khu vực nông-lâm-thủy sản chiếm 19,74% (năm trước là 19,72%); khu vực công nghiệp-xây dựng chiếm 45,79% (năm trước là 45,38%); khu vực dịch vụ chiếm 30,06% (năm trước là 30,32%); phần thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,41%.

³ Năm 2022 tốc độ tăng GRDP xếp thứ 16/63 tỉnh thành cả nước; Năm 2023 xếp thứ 35/63

Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP)
Ước năm 2024

	Tổng sản phẩm theo giá hiện hành		Tổng sản phẩm theo giá so sánh 2010	
	Giá trị (tỷ đồng)	Cơ cấu (%)	Tốc độ tăng (%)	Đóng góp của từng khu vực (điểm %)
Tổng số	123.878	100,00	8,45	8,45
1.Nông, lâm nghiệp và thủy sản	24.458	19,74	4,55	1,06
2.Công nghiệp và xây dựng	56.716	45,79	11,92	4,98
3.Dịch vụ	37.236	30,06	7,36	2,23
4.Thuế sản phẩm trừ trợ cấp SP	5.468	4,41	3,85	0,18

Kết quả hoạt động một số ngành kinh tế và lĩnh vực chủ yếu sau đây:

3. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

3.1 Nông nghiệp:

Năm nay, UBND và ngành Nông nghiệp tỉnh triển khai thực hiện Kế hoạch số 129-KH/TU ngày 04/01/2023 của Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045⁴, ban hành nhiều chính sách và triển khai quyết liệt chủ trương cơ cấu lại chuỗi sản phẩm nông nghiệp chủ yếu theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Cùng với các yếu tố thuận lợi về thời tiết và thị trường, sản xuất nông nghiệp đã duy trì được diện tích gieo trồng các loại cây hàng năm, cùng với kết quả dự án chăn nuôi đi vào hoạt động đã cho sản phẩm, đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của tỉnh.

a) Trồng trọt cây hàng năm:

Một số cây trồng chủ yếu, như sau:

Cây lúa: diện tích gieo trồng ước đạt 150.310 ha tăng 1,08% (+1.610 ha) so cùng kỳ, trong đó: vụ Đông xuân 48.226 ha tăng 1,13% (+541 ha); vụ Hè thu 50.695 ha tăng 1,23% (+617 ha); vụ Mùa 51.390 ha, tăng 0,89% (+452 ha) so cùng kỳ. Nhìn chung, năm nay cả 3 vụ lúa đều được mùa, được giá, diện tích và sản lượng đều tăng.

Cây ngô (bắp): toàn tỉnh gieo trồng được 5.477 ha, tăng 9,23% so cùng kỳ. Trong năm chủ yếu ở vụ Đông xuân năm nay thời tiết thuận lợi, không bị ngập trong thời gian xuống giống như cùng kỳ khiến diện tích ngô (bắp) tăng. Diện tích cây ngô (bắp) tiếp tục được duy trì và tăng trong các vụ hè thu, mùa.

⁴ Quyết định số 1378/QĐ-UBND ngày 04/7/2023 của UBND tỉnh.

Đậu phộng (cây lạc): gieo trồng được 2.925 ha, giảm 2,77% so cùng kỳ, vụ Đông xuân năm nay cây đậu phộng vừa được mùa lại được giá, nhưng thời tiết trong những tháng cuối năm mưa nhiều gây khó khăn cho việc xuống giống nên diện tích trồng đậu phộng giảm.

Diện tích rau, đậu các loại: toàn tỉnh gieo trồng được 21.218 ha, so với cùng kỳ giảm 3,71% (-818 ha), chủ yếu do thời tiết không thuận lợi vào đầu năm nắng nóng khiến chi phí chăm sóc tăng cao, những tháng giữa và cuối năm lại mưa nhiều gây ngập khiến việc xuống giống cũng như chăm sóc nhóm này gặp nhiều khó khăn nên diện tích trồng rau giảm.

Cây mía: trồng được 7.651 ha, tăng 6,64% so cùng kỳ (+476 ha), đề khuyến khích nông dân đầu tư phát triển diện tích, sản lượng canh tác; TTC AgriS cũng đầu tư công nghệ nhằm tối ưu hoá quy mô, đa dạng hoá sản phẩm từ cây mía và các sản phẩm giá trị gia tăng từ chuỗi giá trị cây mía, do đó diện tích mía trồng mới tăng cao so với cùng kỳ.

b) Trồng trọt cây lâu năm:

Diện tích, sản lượng một số cây chủ yếu thực hiện như sau:

Cây cao su: Diện tích ước đạt 98.446 ha, giảm 1,04% (-1.033 ha) so cùng kỳ, chủ yếu do thanh lý chưa kịp trồng lại. Giá mủ cao su bình quân trong năm có xu hướng tăng, năng suất thu hoạch sơ bộ cả năm đạt 21,89 tạ/ha, tăng 0,37% (0,08 tạ/ha) so cùng kỳ; sản lượng đạt 186.226 tấn, giảm 0,91% (-1.710 tấn).

Cây xoài: diện tích ước đạt 2.469 ha, giảm 0,36% (-9 ha) so với cùng kỳ năm trước do một số diện tích xoài già, năng suất thấp ở huyện Tân Biên, Tân Châu mới phá bỏ. Năng suất thu hoạch sơ bộ đạt 98,67 tạ/ha, tăng 1,04%; sản lượng thu hoạch trong kỳ sơ bộ đạt 23.686 tấn, tăng 0,73% (+172 tấn) so với cùng kỳ năm 2023.

Cây nhãn: diện tích ước đạt 4.288 ha, so với cùng kỳ giảm 0,95% (-41 ha). giá nhãn giá cả không ổn định, hiệu quả kinh tế không cao như sầu riêng nên người dân chuyển sang sầu riêng nhiều nên diện tích nhãn giảm so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch năm nay sơ bộ thực hiện đạt 41.733 tấn, giảm 0,09% (-40 tấn) so với cùng kỳ năm trước.

Cây chuối: diện tích ước đạt 1.939 ha, tăng 6,73% (+122 ha) so với cùng kỳ năm trước, Diện tích trồng chuối tập trung nhiều ở Thành phố Tây Ninh, các huyện Tân Châu, Châu Thành, thị xã Trảng Bàng. Sản lượng thực hiện sơ bộ đạt 67.07 tấn, giảm 1,11% so với cùng kỳ (-755 tấn).

c) Chăn nuôi:

Năm 2024 chăn nuôi của tỉnh có những phát triển vượt bậc, thu hút được những dự án quy mô lớn, công nghệ cao được đầu tư đã đi vào hoạt động góp phần đưa ngành chăn nuôi của tỉnh phát triển mạnh mẽ. Cùng với việc liên kết tiêu thụ và xúc tiến thương mại vẫn được duy trì, thực hiện 03 chuỗi cung ứng thịt heo an toàn gồm 100 cửa hàng...

Đàn trâu: toàn tỉnh hiện có 8.905 con giảm 0,13% (-12 con). Sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng ước đạt 498 tấn, giảm 2,18% (-11 tấn).

Đàn bò: hiện 98.542 con, giảm 0,52% (-513 con), sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng ước đạt 2.964 tấn, so với cùng kỳ giảm 0,46% so cùng kỳ. Sản lượng sữa bò tươi ước đạt 38.172 tấn, giảm 0,75% so cùng kỳ do hiệu quả kinh tế giảm, số hộ nuôi bò sữa quy mô nhỏ giảm.

Đàn lợn: số con hiện có 544.455 con tăng 76,37% (+ 235.762 con) so với cùng kỳ. Trong đó, lợn thịt hiện có 355.257 con, tăng 50,51% (+119.218 con) so với cùng kỳ. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng ước đạt 73.360 tấn, tăng 40,31% (+21.077 tấn) so cùng kỳ. Từ đầu năm 2024 đến nay nhiều dự án đầu tư chăn nuôi với quy mô lớn đã đi vào hoạt động, và sản lượng thịt heo xuất chuồng tiếp tục tăng thời gian tới.

Đàn gia cầm: tổng đàn hiện có 13.112 nghìn con, tăng 10,79% (+1.277 nghìn con) so cùng kỳ. Trong đó đàn gà 12.659 nghìn con, so với cùng kỳ tăng 10,50% (+1.202 nghìn con). Năm 2024, đã khánh thành Khu chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao DHN Tây Ninh, công bố 7 dự án trọng điểm "Tổ hợp khu nông nghiệp công nghệ cao DHN Tây Ninh", và kế hoạch xuất khẩu sản phẩm gia cầm sang thị trường Halal, do vậy dự kiến đàn gia cầm tiếp tục tăng trong năm tới.

Sản lượng thịt gà hơi năm nay ước đạt 59.827 tấn, so với cùng kỳ tăng 9,68% (+5.280 tấn); do liên tục từ đầu năm đến nay, các doanh nghiệp mở rộng quy mô nuôi gà nên xu hướng sản lượng thịt gà hơi tăng và dự báo sẽ tiếp tục tăng nhanh. Sản lượng trứng gà ước đạt 748 triệu quả, tăng 8,51% (+59 tr.quả) so cùng kỳ, nguyên nhân sản lượng trứng gà tăng do đàn gà đẻ trứng công nghiệp sau thời gian thay thế, đã bắt đầu cho trứng ổn định liên tục đến nay.

3.2 Lâm nghiệp:

Trồng và chăm sóc rừng: Diện tích rừng trồng mới tập trung sơ bộ năm 2024 được 408 ha. Kế hoạch chăm sóc rừng trồng phòng hộ, đặc dụng năm 2024 trên địa bàn toàn tỉnh với diện tích 956 ha, hiện nay các đơn vị đang khẩn trương triển khai thực hiện để hoàn thành.

Bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh tự nhiên: tổng diện tích rừng và đất quy hoạch phát triển rừng là 73.272,5 ha, toàn bộ diện tích này đều được giao cho các BQL rừng, UBND các huyện và các đơn vị quản lý, bảo vệ.

Tình hình khai thác lâm sản: Sản lượng gỗ khai thác trong năm ở các dự án và khu dân cư đạt 74.513 m³, tăng 2,91% (+2.701 m³) so cùng kỳ; sản lượng củi khai thác ước đạt 253.000 Ste, so cùng kỳ tăng 1,08% (+2.712 Ste), do diện tích rừng trồng và diện tích tía thưa tăng.

3.3 Thủy sản:

Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng trên địa bàn tỉnh, ước cả năm 2024 đạt 15.379 tấn, giảm (-0,9%) so cùng kỳ, trong đó sản lượng thủy sản khai

thác đạt 1.951 tấn, giảm (-0,83%); Sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 13.429 tấn, giảm (-0,91%), trong đó sản lượng cá đạt 14.384 tấn, giảm 0,69%, chủ yếu tăng sản lượng cá lóc, do năng suất thu hoạch tăng, riêng sản lượng cá tra ước đạt 8.102 tấn, giảm 3,49%, do giảm diện tích nuôi cá tra công nghiệp (một số diện tích vào quy hoạch khu công nghiệp).

Sản lượng giống thủy sản: thực hiện năm 2024 ước đạt 46,50 triệu con, tăng 4,38 % (+4,38 triệu con) so cùng kỳ, do diện tích thu hoạch giống tăng.

4. Sản xuất công nghiệp:

Mặc dù đóng góp đến 51,91% tăng trưởng GRDP năm 2024 của tỉnh, tuy nhiên, nhịp độ tăng Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp (+12,28%) chưa đạt như kỳ vọng và còn thấp hơn giai đoạn trước Đại dịch covid 19 (năm 2018 tăng 17,10%; năm 2019 tăng 20,27%). Sản xuất công nghiệp có mức tăng trưởng cao hơn ở những tháng cuối năm do các doanh nghiệp trong một số ngành hàng đã có đơn hàng nhiều hơn nhưng không tăng nhiều. Giá trị tăng thêm ngành công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng 11,67%; 6 tháng cuối năm tăng 12,83%; Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng phần lớn⁵ tăng 12,70% (6 tháng tăng 12,08%; 6 tháng cuối năm tăng 13,27%).

Năm 2024, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tăng 13,80%⁶ so năm 2023, chưa đạt kế hoạch của tỉnh (+15,0%), trong đó:

+ Nhóm ngành khai khoáng có lũy kế so cùng kỳ giảm mạnh (-15,50%) do vùng khai thác bị thu hẹp, doanh nghiệp không được phép khai thác tầng sâu, trong khi sản lượng khai thác tầng trên ngày càng ít.

+ Nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,02% tập trung ở các ngành: sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 27,14% do nhu cầu tiêu dùng tăng; sản xuất kim loại tăng 21,27% nhu cầu về sản phẩm kim loại cũng tăng mạnh; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 20,93%; công nghiệp dệt tăng 19,12% do DN mở rộng quy mô và có bổ sung năng lực mới; sản xuất thiết bị điện tăng 17,54%, doanh nghiệp mở rộng quy mô; sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy tăng 14,0%; công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 13,78%; sản xuất, chế biến thực phẩm tăng 11,87% trong đó chế biến và bảo quản rau quả tăng 15,34% (*chủ yếu là hạt điều*), sản xuất đường tăng 14,96%, đặc biệt SX thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản tăng mạnh (+55,13%) do có bổ sung thêm năng lực mới....

+ Nhóm ngành sản xuất, truyền tải và phân phối điện tăng 7,53% chủ yếu do nắng nóng kéo dài nên nhu cầu sử dụng điện của hộ gia đình tăng cao, đồng thời sản xuất trên địa bàn tỉnh có xu hướng phục hồi tích cực, vì vậy điện dùng cho sản xuất cũng tăng lên. Tăng cao nhất là điện sản xuất khác (*điện bã mía*) tăng 18,38%; điện thương phẩm cũng tăng cao (+14,10%), điện mặt trời tăng 2,66% do điều kiện thời tiết thuận lợi nên sản lượng sản xuất của một số công ty tăng mạnh.

⁵ Cơ cấu GTTT ngành CN trong GRDP năm 2024 gồm: CN Khai khoáng chiếm 0,13%; CN Chế biến chế tạo 37,40%; SX và phân phối điện, khí đốt...chiếm 2,63%; Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng 0,47%.

⁶ 12 tháng năm 2022 tăng (+15,74%); 12 tháng năm 2023 tăng (+9,01%).

+ Hoạt động cung cấp nước, quản lý và xử lý rác thải, nước thải, tái chế phế liệu tăng 13,90% so cùng kỳ, trong đó: khai thác, xử lý, cung cấp nước tăng 9,68%; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải tăng 48,39%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải, tái chế phế liệu tăng 1,34%.

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu của tỉnh: đều tăng khá,: Đường các loại ước đạt 289.033 tấn tăng 32,10%; Bột mì 1.324.877 tấn (+3,38%); Gạch các loại 700.631 nghìn viên (+1,10%); Giấy các loại 81.877 nghìn đôi (+4,57%); Clanke Poolan 1.064.532 tấn (+9,35%); quần áo các loại 220.000 nghìn cái (+10,75%); vỏ, ruột xe các loại 107.533 nghìn cái (+10,41%); điện thương phẩm 6.652 tr.Kwh (+14,10%); điện sản xuất 1.887 tr.Kw (+1,53%); nước máy sản xuất 13.672 nghìn m³ (+9,10%); Riêng xi măng 1.049.163 tấn giảm 1,85% so với năm trước.

5. Vốn đầu tư phát triển

Năm 2024, vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn ước thực hiện đạt 44.946 tỷ đồng tăng 10,27% so với năm 2023. Trong đó:

- *Vốn đầu tư từ khu vực nhà nước* đạt 6.371 tỷ đồng, tăng 6,42% so với năm 2023. Trong đó, vốn ngân sách nhà nước đạt 4.818 tỷ đồng tăng 4,82%; *Vốn tự có của doanh nghiệp nhà nước* đạt 475 tỷ đồng, tăng 19,02%; vốn vay từ nguồn khác (của khu vực nhà nước) đạt 568 tỷ đồng, tăng 111,46% so năm 2023.

Vốn khu vực dân cư và tư nhân đạt 18.661 tỷ đồng, tăng 12,07% so cùng kỳ, Trong đó, vốn doanh nghiệp ước đạt 3.106 tỷ đồng, tăng 25,93%; vốn hộ dân cư 15.555 tỷ đồng, tăng 9,66% so cùng kỳ. Phần lớn vốn doanh nghiệp tư nhân tăng do đầu tư mở rộng nhà xưởng sản xuất tăng 25,93% (+640 tỷ đồng); khu vực hộ dân cư tăng 9,66% (+1.371 tỷ đồng) do đầu tư xây mới, nâng cấp sửa chữa nhà ở, đầu tư xây dựng trang trại chăn nuôi heo và nuôi gà theo hướng an toàn sinh học theo tiêu chuẩn Viet GAHP; xây nhà màng trồng rau Vietgap;... .

Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 19.914 tỷ đồng, tăng 9,88% so cùng kỳ. Trong đó, có một số dự án lớn tiếp tục mở rộng thêm quy mô sản xuất, như: Công Ty Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Brotex Việt Nam xây dựng Nhà máy sợi Brotex, giá trị ước thực hiện trong năm 350 tỷ đồng; Công ty TNHH Gain Luky xây các bộ phận may thực hiện 311 tỷ đồng; công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ilshin xây dựng nhà máy sợi, thực hiện trong năm đạt 107 tỷ đồng....

6. Phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư:

Doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh năm 2024 được 818 DN với số vốn đăng ký là 8.468 tỷ đồng và số lao động đăng ký là 7.787 lao động, giảm 1,92% về số doanh nghiệp, tăng 45,86% về vốn đăng ký và cũng giảm 1,93% về số lao động so với năm 2023.

Thu hút đầu tư nước ngoài: năm 2024 ước đạt 525,95 triệu USD, giảm 28,05% so với cùng kỳ, trong đó: cấp mới cho 34 dự án với vốn đầu tư 207,9 triệu USD; 22 lượt dự án điều chỉnh tăng vốn với vốn tăng 318,1 triệu USD; 04 lượt dự án điều chỉnh giảm vốn với vốn giảm 17,7 triệu USD; 02 dự án nước ngoài chuyển thành dự án trong nước với vốn đăng ký 3,2 triệu USD; 09 dự án thu hồi/chấm dứt

hoạt động với vốn đăng ký 143 triệu USD. Lũy kế đến ngày 18/12/2024, trên địa bàn tỉnh có 390 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực với vốn thu hút là 9.969,7 triệu USD, Trong đó: 246 dự án đang hoạt động với số vốn 7.932 triệu USD.

7. Giao thông vận tải

Doanh thu vận tải năm 2024 ước đạt 5.708 tỷ đồng, tăng 20,05% so cùng kỳ, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 2.626 tỷ đồng tăng 36,57%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 2.884 tỷ đồng tăng 9,43% và doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 172 tỷ đồng tăng 0,67% so với năm 2023.

Khối lượng vận chuyển hành khách năm 2024, vận tải hành khách ước đạt 37.938 nghìn lượt khách, tăng 21,42% và luân chuyển được 1.948.475 nghìn lượt khách.km, tăng 13,67% so năm trước. Khối lượng vận chuyển hàng hóa ước tính đạt khối lượng 20.444 nghìn tấn, tăng 9,92% và luân chuyển đạt 1.554 triệu tấn.km, tăng 10,13% so với năm trước.

8. Thương mại hàng hoá và dịch vụ tiêu dùng

Thị trường bán lẻ hàng hóa trên địa bàn tỉnh các tháng cuối năm khá sôi động, nhiều sự kiện lớn như: Giáng sinh, tết Dương lịch, tết Nguyên đán Ất Ty 2025... Cùng với các hoạt động lễ hội diễn ra khá sôi động để chuẩn bị phục vụ cho các ngày lễ lớn cuối năm và chào mừng năm mới 2025, hàng loạt các chương trình khuyến mại, giảm giá đã và đang được các doanh nghiệp bán lẻ đưa ra nhằm thúc đẩy tiêu dùng nội địa, kích cầu tiêu dùng, góp phần bình ổn thị trường cuối năm, nhất là nhu cầu tiêu dùng lương thực, thực phẩm, hàng may mặc, đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình, vật phẩm văn hoá, giáo dục, hàng hoá khác tiếp tục xu hướng tăng so với tháng trước và cùng kỳ năm trước.

a- Hoạt động thương mại bán lẻ hàng hoá:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá trên địa bàn năm 2024, ước đạt 94.969 tỷ đồng, tăng 11,49% so cùng kỳ, hầu hết các ngành hàng đều tăng, trong đó: nhóm hàng lương thực thực phẩm chiếm tỷ lệ cao nhất trong doanh thu bán lẻ hàng hóa (*chiếm 35,63%*) tăng 10,36%; tiếp đến, nhóm xăng dầu các loại (*chiếm 14,25%*) tăng 14,83%; nhóm đá quý, kim loại quý và sản phẩm (*chiếm 12,82%*) tăng 11,98%; và nhóm Gỗ và vật liệu xây dựng tăng (*chiếm 11,46%*) tăng 13,16%; nhóm có doanh thu tăng cao nhất là bán lẻ ô tô con dưới 9 chỗ ngồi tăng (+48,17%).

b- Hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác:

Năm 2024, doanh thu hoạt động dịch vụ, lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác đạt 25.375 tỷ đồng tăng 10,18% so với cùng kỳ, trong đó doanh thu dịch vụ ăn uống chiếm tỷ trọng cao nhất đạt 14.127 tỷ đồng tăng 11,60%; kế đến là doanh thu dịch vụ khác đạt 10.834 tỷ đồng tăng 8,14%; doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 395 tỷ đồng tăng 17,24% và doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 19 tỷ đồng tăng cao nhất (+18,11%) so với năm 2023.

9. Tình hình biến động giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 12 tháng năm 2024 tăng 2,94% so cùng kỳ năm 2023. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính, có 09 nhóm tăng giá, 01 nhóm giảm giá và 01 nhóm bình ổn. Có 03 nhóm tăng khá cao gồm:

+Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+5,34%): lương thực (+7,66%), thực phẩm (+3,99%), Ăn uống ngoài gia đình (+7,27%).

+Nhóm nhà ở điện nước chất đốt và VLXD(+3,44%): nhóm nhà ở tăng 1,82%; nước sinh hoạt và dịch vụ khác liên quan đến nhà ở tăng 8,68% do chính sách điều chỉnh giá nước khu vực thành thị của UBND tỉnh; nhóm gas và các loại chất đốt khác tăng 7,34% chủ yếu do giá gas tăng 7,93%; điện và dịch vụ điện tăng 5,84% do giá điện được điều chỉnh tăng và nhu cầu tiêu dùng điện tăng.

+Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác (+5,26%): tăng chủ yếu do chủ yếu do lệ phí công chứng, bảo hiểm và dịch vụ khác tăng 14,63%, chủ yếu bảo hiểm y tế tăng 25,32% (tăng theo lương cơ sở từ 01/7/2024); hàng hóa và dịch vụ cá nhân tăng 2,65%, trong đó dịch vụ phục vụ cá nhân tăng 1,79%; đồ dùng cá nhân tăng 3,31%; hiệu hi tăng 0,93%; dịch vụ vệ sinh môi trường cũng tăng 0,84%.

Riêng Chỉ số giá nhóm Văn hoá Giải trí và du lịch giảm nhẹ (-0,03%) so với bình quân cùng kỳ. Nhóm này giảm chủ yếu ở nhóm du lịch trọn gói giảm 0,22% do nhiều hộ gia đình cắt giảm chi tiêu, thường chọn các hành trình gần để di chuyển bằng xe cá nhân nên lượng khách đặt mua tour giảm; các tour cũng tranh thủ các chương trình khuyến mãi, giảm giá tour để thu hút khách.

Chỉ số giá vàng và Đô la Mỹ: Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới. Giá vàng bình quân 12 tháng tăng 31,88% so với bình quân cùng kỳ; chỉ số giá USD tăng 5,80% so với bình quân cùng kỳ năm 2023.

10. Tài chính, ngân hàng:

Năm 2024, tổng thu ngân sách ước đạt 12.921 tỷ đồng vượt 16,40% dự toán năm và tăng 12,32% so với năm 2023. Tổng chi ngân sách ước đạt 13.529 tỷ đồng, vượt 21,13% dự toán, tăng 27,35% so cùng kỳ năm trước.

Hoạt động ngân hàng: Tổng nguồn vốn huy động trên địa bàn tỉnh đến cuối năm ước đạt 73.000 tỷ đồng, tăng 10% so đầu năm (CK năm trước tăng 7,8%) và tăng 0,6% so tháng trước; trong đó, vốn huy động trên 12 tháng ước đạt 5.550 tỷ đồng, giảm 6,1% so đầu năm và chiếm 7,6% tổng nguồn vốn huy động.

Hoạt động cho vay: Tổng dư nợ tín dụng đến cuối năm ước đạt 109.200 tỷ đồng, tăng 11,0% so đầu năm (CK năm trước tăng 14%) và tăng 5,2% so tháng trước; trong đó: Dư nợ ngắn hạn ước đạt 80.600 tỷ đồng, tăng 10,3% so đầu năm và chiếm 73,8% tổng dư nợ; dư nợ cho vay trung, dài hạn ước đạt 28.600 tỷ đồng, tăng 13,3% so đầu năm và chiếm 26,4% tổng dư nợ. Nợ xấu ước đến cuối năm nợ xấu chiếm 1,7% tổng dư nợ, tăng so với tỷ lệ 0,83% của đầu năm.

11. Một số lĩnh vực xã hội:

a) Đời sống, lao động, giải quyết việc làm:

Công tác chăm lo cho các đối tượng chính sách người có công thực hiện tốt, hộ nghèo và các đối tượng hưởng bảo trợ xã hội luôn được chính quyền và hệ thống chính trị các cấp của địa phương quan tâm, giúp đỡ vượt qua khó khăn.

Các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống nhân dân như: Hỗ trợ 1.164 đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo vay vốn ưu đãi với kinh phí trên 48 tỷ đồng; Triển khai hỗ trợ trên 110 dự án/mô hình sinh kế, cho trên 962 hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo, người khuyết tật không có sinh kế ổn định được hỗ trợ trên 16 tỷ đồng.

Trong năm 2024, tỉnh đã hỗ trợ cho các đối tượng: Người có công và thân nhân của người có công với cách mạng số tiền 304.014 triệu đồng; Hộ nghèo, cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ chính sách xã hội số tiền 45.956 triệu đồng. Thực hiện chi trả trợ giúp xã hội cho 42.535 đối tượng bảo trợ xã hội và hộ gia đình chăm sóc đối tượng tại cộng đồng (bao gồm 27.904 đối tượng bảo trợ xã hội, 4.631 hộ gia đình, cá nhân trực tiếp chăm sóc, nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội) với kinh phí 365.314 triệu đồng. Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế 254.494 thẻ; Người đang hưởng lương hưu/trợ cấp: 16.172 thẻ; Người đang hưởng trợ cấp thất nghiệp: 8.512 thẻ; Đối tượng BTXH: 35.176 thẻ; Trẻ em dưới 6 tuổi: 87.863 thẻ....

Công tác giải quyết việc làm: Tư vấn - giới thiệu việc làm cho 24.538 người. Số lao động có việc làm tăng thêm cho 17.150 lao động, vượt kế hoạch đề ra. Thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp cho 16.028 người; ban hành quyết định hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng cho 16.288 người, với tổng số tiền 364 tỷ đồng

b) Giáo dục và đào tạo:

Kết thúc năm học 2023-2024: Ngành Giáo dục Mầm non của tỉnh có 133 trường mầm non, mẫu giáo, với 2.026 giáo viên và 36.599 trẻ; Giáo dục Tiểu học có 178 trường, với 4.372 giáo viên và 95.780 học sinh; THCS và TH-THCS có 101 trường, với 2.899 giáo viên và 68.864 học sinh; THPT có 28 trường, với 1.420 giáo viên và 29.645 học sinh. Trung tâm GDTX tỉnh 01, với tổng số cán bộ, nhân viên là 14; Trung tâm GDNN-GDTX Cụm Thành phố 01, Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện 06 trung tâm, với 64 giáo viên và 4.032 học viên.

Tỷ lệ tốt nghiệp cuối các cấp học năm học 2023-2024: Số học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt tỷ lệ 100%; THCS: Tỷ lệ chuyển cấp đạt 82,86%, Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt 98,76%.

Khai giảng năm học 2024-2025: Mầm non: 131 trường mầm non, mẫu giáo, với 2.381 giáo viên và 37.096 trẻ; Tiểu học: 177 trường, với 4.243 giáo viên và 93.385 học sinh; THCS và TH-THCS: 101 trường, với 2.768 giáo viên và 70.548 học sinh; THPT: 28 trường, với 1.399 giáo viên và 30.591 học sinh. Trung tâm GDTX tỉnh 01, với tổng số cán bộ, nhân viên là 14; Trung tâm GDNN-GDTX Cụm Thành phố 01, Trung tâm GDNN-GDTX cấp huyện 06 trung tâm, với 71 giáo viên và 5.082 học viên.

Cơ sở vật chất trường học, lớp học Mạng lưới trường học trên địa bàn tỉnh đã đáp ứng cơ bản nhu cầu học tập của học sinh trong độ tuổi đến trường. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đã được cải thiện, đảm bảo đáp ứng tối thiểu các yêu cầu cần thiết của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao đáp ứng cơ bản yêu cầu giảng dạy; đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên có nhiều sáng tạo đổi mới trong quản lý, giảng dạy và học tập. Việc đầu tư kinh phí xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đã được chú trọng theo hướng chuẩn hoá, hiện đại hoá.

c) Hoạt động y tế:

Năm 2024 trên địa bàn tỉnh không xảy ra các bệnh dịch lớn, một số bệnh truyền nhiễm gây dịch đang lưu hành trên địa bàn tỉnh trong năm, như sau:

Sốt xuất huyết: Trong năm ghi nhận 833 ca giảm 765 ca (giảm 47,87%) so với cùng kỳ năm 2023 (1.598 ca), không có ca tử vong.

Số ca mắc mới bệnh tay chân miệng ghi nhận 884 ca giảm 1.005 ca (-53,20%) so với cùng kỳ năm 2023 (1.889 ca), không có ca tử vong.

Sốt phát ban nghi Sởi: ghi nhận 625 ca sốt phát ban nghi sởi (trong đó 132 ca dương tính với virút sởi) tăng 62 ca so cùng kỳ. Không có ca tử vong.

Công tác an toàn vệ sinh thực phẩm: Trong năm 2024, trên địa bàn tỉnh không xảy ra trường hợp nào bị ngộ độc thực phẩm.

d) An toàn giao thông:

Năm 2024, số vụ tai nạn giao thông đường bộ xảy ra 423 vụ, làm chết 254 người, bị thương 252 người; So với năm trước, số vụ tai nạn giao thông tăng (+92 vụ), số người chết giảm (-19 người), số người bị thương tăng (+136 người).

e) Hoạt động văn hoá thể thao và du lịch:

Tổ chức sự kiện, lễ hội Chương trình nghệ thuật Chào đón giao thừa mừng Xuân Quý Mão năm 2024; Lễ Khai mạc Hội xuân Núi Bà năm 2024; Chương trình nghệ thuật, bắn pháo hoa chào mừng 49 năm giải phóng Miền Nam 30/4; Tổ chức 04 hội thi, hội diễn, liên hoan cấp tỉnh và 33 hội thi tại các huyện, thị xã, thành phố; hơn 560 buổi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ quần chúng, các câu lạc bộ, đội, nhóm sinh hoạt tại thiết chế văn hóa cấp tỉnh và hơn 1.000 buổi sinh hoạt văn nghệ tại các tụ điểm hát với nhau, đờn ca tài tử cải lương. Tham gia 05 hội thi, hội diễn, liên hoan cấp khu vực và toàn quốc, đạt 03 huy chương vàng, 06 huy chương bạc.

Hoạt động quảng bá, xúc tiến, thông tin du lịch, tại Hội chợ du lịch quốc tế ITB Asia Singapore năm 2024; sự kiện Không gian trưng bày, quảng bá văn hoá – du lịch - ẩm thực đặc trưng các tỉnh, thành phố vùng Đông Nam Bộ tại Bình Phước; Siêu Lễ hội Vibe Fest tại NovaWorld Phan Thiết; Ngày hội Du lịch Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ 20 năm 2024; Hội chợ Du lịch Quốc tế Việt Nam - VITM Hanoi 2024, Hội chợ Du lịch Quốc tế TP. Hồ Chí Minh lần thứ 18 năm 2024, Lễ hội “Mùa trái chín” năm 2024, Lễ hội món ngon Saigontourist Group, Lễ hội bánh dân gia Cần Thơ năm 2024; Hội chợ triển lãm thương mại và du lịch Phú Yên năm 2024. Phối hợp Tập đoàn Sun Group tổ chức chuyên famtrip Hà Nội -

Tây Ninh; Phối hợp Bình Phước tổ chức chương trình 1 cung đường 2 điểm đến” với hơn 1.000 du khách đã đến Tây Ninh; tổ chức đoàn Famtrip Bình Dương với chủ đề “1 cung đường, 3 điểm đến” với hơn 50 doanh nghiệp lữ hành đến từ TP. HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh....

Khách tham quan khu, điểm du lịch ước đạt 5,6 triệu lượt, tăng 9,7% so với năm 2023, tăng 2% so kế hoạch; Tổng doanh thu du lịch ước đạt 2.500 tỷ tăng 24,0% so với năm 2023, tăng 8,6% so kế hoạch.

f) Thiệt hại thiên tai:

Trong năm 2024, xảy ra 23 vụ thiên tai, không gây thiệt hại về người; làm 46 nhà bị hư hại, diện tích lúa bị ngập 98 ha lúa. Ngoài ra, còn tốc mái 01 nhà kho của công ty, ngập 19 ha cây ăn quả,... Ước tổng giá trị thiệt hại khoảng 1.579 triệu đồng; So với cùng kỳ năm trước, số vụ thiên tai giảm (-13 vụ)... Tổng giá trị thiệt hại ước giảm khoảng (-11.368 triệu đồng).

g) Tình hình cháy, nổ; bảo vệ môi trường:

Cháy nổ: Trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh xảy ra 20 vụ. Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính khoảng 1,82 tỷ đồng, tăng 12 vụ so với năm trước, số tiền thiệt hại giảm hơn 4,7 tỷ so với năm trước.

Số vụ vi phạm môi trường: cả năm các ngành chức năng đã phát hiện và xử lý 55 vụ với tổng số tiền xử phạt 12.346 triệu đồng; So với cùng kỳ năm trước, số vụ vi phạm môi trường đã phát hiện và xử lý tăng (+36 vụ), số tiền xử phạt tăng (+8.276 triệu đồng).

12. Đơn vị hành chính, dân số và lao động:

Đơn vị hành chính: Số đơn vị hành chính của tỉnh năm nay không thay đổi so với năm trước vẫn có 9 đơn vị cấp huyện (01 Thành phố, 02 Thị xã, và 6 huyện); 94 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 17 phường, 6 thị trấn, và 71 xã.

Dân số trung bình của Tỉnh: năm 2024 ước đạt 1.202.769 người tăng 0,66%, trong đó khu vực thành thị 391.654 người (chiếm tỉ trọng 32,56% tổng số) tăng 0,64%, dân số nông thôn 811.115 người (chiếm tỉ trọng 67,44% tổng số) tăng 0,67% so với năm 2024.

Lao động: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2024 ước 690.803 người chiếm tỉ trọng 57,43% dân số của tỉnh và tăng 1,73% so năm trước, và số lao động đang làm việc là 681.500 người cũng chiếm tỉ trọng 56,66% dân số của tỉnh và tăng 1,80% so với năm 2023./.

CỤC THỐNG KÊ TỈNH TÂY NINH